

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Công khai trong hoạt động giáo dục của nhà
trường Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học;

Căn cứ hướng dẫn số 88/HD-SGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ công văn 1286/SGDDT- QLCL ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục (gọi tắt CV 1286/SGDDT); triển khai thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 736/PGDDT-CMNV ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 323/KH -THCSPC ngày 21 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Phú Cường về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 và xét tình hình thực tế của nhà trường.

Trường THCS Phú Cường thực hiện công tác công khai đầu năm học 2024-2025 như sau:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Phú Cường, huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

1. **Địa chỉ trụ sở chính** và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Áp B, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp.

Thư điện tử: thcsphucuong.tam.nong.dongthap@.edu.vn

Trang web: <http://thcsphucuong.tamnong.edu.vn/>

2. **Loại hình của cơ sở giáo dục**, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Tam Nông

3. **Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

Sứ mệnh: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Phú Cường, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

5. Mục tiêu:

Chất lượng giáo dục :

a) Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Tổng số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
623	530	85	63	10	30	5	0	0

a) Chỉ tiêu về kết quả học tập

Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
623	63	10	250	40	292	47	18	3

Hạn chế đến mức thấp nhất số lượng học sinh bỏ học; duy trì sĩ số trên 99%.

- Chất lượng văn hóa: Tốt, Khá: trên 50 %; Chưa đạt: dưới 3%;

- Rèn luyện: Tốt, Khá: trên 95%; không có HS mức chưa đạt

- Tốt nghiệp THCS: Trên 99%; tiếp tục nâng cao kết quả tuyển sinh vào lớp

10 - THPT, phân đầu xếp thứ < 90 của toàn tỉnh, tăng thêm ít nhất 11 thứ hạng.

- Học sinh giỏi tỉnh các môn văn hóa lớp 9: Chất lượng học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hoá lớp 9 tiếp tục đạt kết quả tốt, phân đầu có tối thiểu 3 em đạt giải.

- Học sinh giỏi tỉnh các môn ĐK-TT: 05 em đạt HSG tỉnh.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Phú Cường, tiền thân là trường PTCS Phú Cường được thành lập 1990 đến nay trường chính thức mang tên trường THCS Phú Cường, tọa lạc bờ Bắc tuyến tỉnh lộ ĐT 844 (nay là đường Võ Văn Kiệt) hướng đi từ thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông đến xã Trường Xuân huyện Tháp Mười, thuận lợi cho việc học tập, giao lưu văn hóa, khoa học, đời sống, kinh tế, chính trị với các vùng lân cận như Tiền Giang, Long An, Thành Phố Hồ Chí Minh, thuận tiện cho việc giao thông đi lại hằng ngày để giáo viên, học sinh đến trường dạy và học.

Trường đã khẳng định được vị thế, vai trò trách nhiệm của mình, cho đến nay năm học 2024 – 2025, trường có tất cả 30 CB-GV-NV, 16 lớp với 640 học sinh, có 8 phòng học , phòng chức năng, phòng thư viện đủ để thực hiện nhiệm vụ năm học.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Phạm Thành Công, Số điện thoại: 0908.524.323 Thư

điện tử: ptcong.tramchim@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a, Tổ chức bộ máy bao gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; các lớp học.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 136/QĐ-PGDĐT ngày 14/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông.

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 1078/QĐ-UBND về việc điều động, bổ nhiệm Ông Phạm Thành Công giữ chức vụ hiệu trưởng trường THCS Phú Cường ;

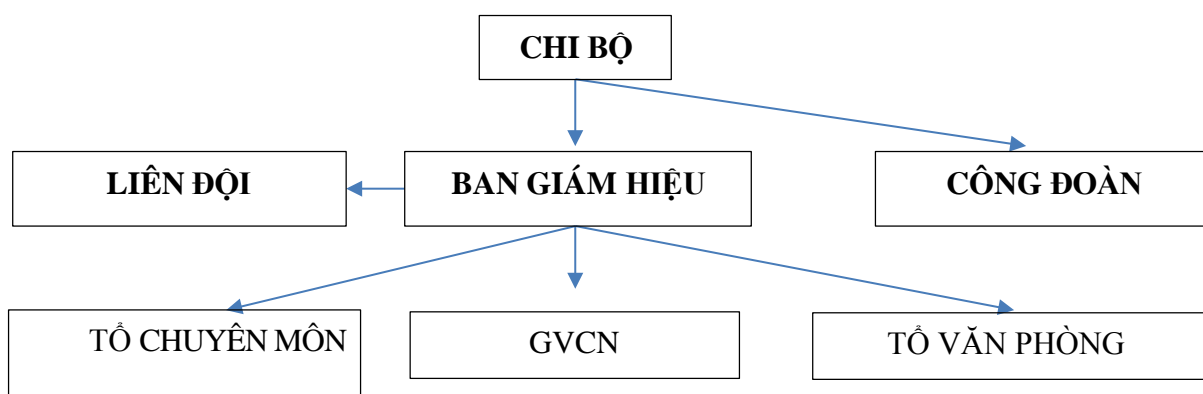
Quyết định số 1040/QĐ-UBND-TCCB ngày 08/12/2024 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Phú Cường

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

e. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- * Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị (*đính kèm*).
- * Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục
 - Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
 - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
 - Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
 - Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
 - Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
 - Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
 - Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



Các văn bản khác của trường:

- Kế hoạch, chiến lược phát triển của trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;

- Quy chế làm việc của trường;
- Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Các nghị quyết của hội đồng trường....

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu, chi phân theo Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước năm 2024. Các khoản thu, chi phân theo Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước. Thu, chi học phí năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi ngân sách	Chi nguồn thu sự nghiệp
A	Phần thu			
1	Nguồn ngân sách cấp:	4.439.688.000		
2	Nguồn thu sự nghiệp:	459.542.540		
	Cộng phần thu	4.899.230.540		
1	Chi Lương, các khoản đóng góp		3.029.088.200	59.604.000
2	Chi tiền thưởng		1.500.000	
3	Chi phúc lợi tập thể (Ngày lễ...)			12.220.000
4	Chi thanh toán khác cho cá nhân (Thu nhập tăng thêm)		439.570.029	
5	Chi thanh toán dịch vụ công cộng		78.125.606	
6	Chi vật tư văn phòng		66.520.800	
7	Chi Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		6.776.400	
8	Chi Khoán công tác phí		39.300.000	
9	Chi phí thuê mướn		82.830.000	
10	Chi sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		218.286.840	
11	Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		165.620.000	

12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		287.396.125	
13	Chi khác		11.450.000	
14	Chi hỗ trợ GV dạy khuyết tật		48.834.687	
15	Chi cấp bù học phí cho cơ sở GDĐT theo chế độ		3.375.000	
	Cộng phần Chi		4.478.673.687	71.824.000

1. 2. Các khoản thu phục vụ hỗ trợ giáo dục năm học 2023-2024:

STT	KHOẢN THU	Năm học 2023-2024
I	Các khoản thu theo Công văn	
1	Thu học phí (Căn cứ nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND, ngày 21 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh Đồng Tháp quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm học 2023-2024).	159.337.500
2	Thu BHYT (Căn cứ công văn số 174/CV-BHXH, ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện bảo hiểm y tế học sinh năm học 2023-2024 và cài đặt ứng dụng VssID-BHXH số)	328.341.600
3	Quỹ Đội (Theo TT số 04/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT)	
II	Các khoản thu dịch vụ:	
III	Kinh phí ban đại diện	
1	Căn cứ vào thông tư 55/2011/ TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về ban hành điều lệ hoạt động của ban đại diện phụ huynh học sinh. do PHHS tự nguyện đóng góp. Khoản đóng góp xã hội hóa giáo dục của các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ với hình thức tự nguyện nhà trường tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018	Vận động

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Miễn, giảm học phí thực hiện theo Quy định hiện hành: Con hộ nghèo, con TB,

BB; con mồ côi cả cha lẫn mẹ...: Miễn học phí.

Con hộ cận nghèo: Giảm 1/2 học phí.

2. Các nội dung công khai tài chính xác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường, niêm yết bản tin và công thông tin điện tử.

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông
Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, Cán bộ quản lý:

CBQL: 02; Giáo viên:32; Nhân viên: 05.

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

*** Cán bộ quản lý:**

TT	Chức vụ	Số lượng		Đăng viên	Trình độ				So với nhu cầu	
		T.số	Nữ		>ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
1	Hiệu trưởng	01		01		01			0	0
2	Phó hiệu trưởng	01		01		01			0	0
Tổng số		02		02		02			0	0

***Giáo viên:**

TT	Môn học	Giáo	Số giáo viên				So với	
----	---------	------	--------------	--	--	--	--------	--

		viên		Số GV biên chế	Số GV hợp đồng	Trình độ chuyên môn				nhu cầu	
		T.số	Nữ			ThS	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
1	Toán	5	4	5	3	0	5			0	2
2	KHTN	6	6	3	3		6			0	1
3	Tin học	1	1	0	1		1				1
4	Ngữ văn	5	5	3	2	0	5				2
5	Lịch sử-ĐL	5	5	4	1						1
6	Tiếng Anh	3	3	2	1	0	4				1
7	GDCD	1	1	1		0	1				

8	AN	1	1	0	1	0	1				1
9	MT	1	1	1		0	1				
10	Công nghệ	1	1	1		0	1				
11	GDTC	2		2		0	3				
Tổng số		31	21	22	12		28				9

***Nhân viên:**

TT	Bộ phận	Số lượng		Số nhân viên						So với nhu cầu	
				Biên chế	HDLĐ trên 1 năm	Trình độ					
		T.số	Nữ			ThS	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
1	Kế toán	01	01	01			01		0	0	0
2	Văn thư	1	0					1		0	0
3	Thư viện	01	01	01			01			0	0
4	Thiết bị	01	01	01					01	0	0
5	Vệ sinh môi trường	00	0							0	0
6	Bảo vệ	01		0	01				01	0	0
7	Y tế	01	01	01				01		0	0

TT	Bộ phận	Số lượng		Số nhân viên						So với nhu cầu	
				Biên chế	HDLĐ trên 1 năm	Trình độ					
		T.số	Nữ			ThS	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
Tổng số		05	04	04	05		04		01	0	0

a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;

Giáo viên 29, đạt chuẩn 100%;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 02, bồi dưỡng đạt 100%;

- Giáo viên 29, bồi dưỡng đạt 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- Diện tích khu đất xây dựng trường 5.216m², Điem trường 01;
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 8,15m²: Chưa đạt yêu cầu
- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	8	
2	Phòng Tin học	1	
3	Phòng đồ dùng	0	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng học bộ môn KHTN	1	
7	Phòng học bộ môn KHXH	0	
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng học bộ môn Nghệ thuật	1	
10	Phòng học đa năng	1	
11	Phòng Ban giám hiệu	2	
12	Phòng Hội đồng	1	

13	Phòng Y tế	1	
14	Phòng Đoàn đội	1	
15	Phòng Công đoàn	1	
16	Phòng Bảo vệ	1	
17	Nhà đa năng	0	
18	Sân thể thao	0	
19	Tổng diện tích đất	5.216m ²	
20	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
21	Số máy vi tính	38	
22	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	7	
23	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	14	
24	Camera	12	
25	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	2	

26	Sách giáo khoa 6,7,8,9/khối	5	
27	Sách tham khảo	Đủ dùng	
28	Internet	3 đường truyền	

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Bộ môn KHTN (Hóa) : 65% , KHTN(Sinh): 50%, KHTN(Lý, Toán): 55 % , Công nghệ 50%; Đảm bảo đủ điều kiện học tập tối thiểu.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Tên SGK (CTST)	Số lượng	Tên SGK (CTST)	Số lượng	Tên SGK (CTST)	Số lượng	Tên SGK (CTST)	Số lượng
Ngữ văn 6 tập 1	12	Ngữ Văn 7 tập 1	5	Tiếng anh 8	5	Tiếng anh 9	5
Ngữ văn 6 tập 2	12	Ngữ Văn 7 tập 2	5	Toán 8	5	Toán 9 T1	5
Toán 6 tập 1	13	Toán 7 tập 1	6	Khoa học tự nhiên 8	4	Toán 9 T2	5
Toán 6 tập 2	13	Toán 7 tập 2	5	Lịch sử và địa lý 8	4	Khoa học tự nhiên 9	5

Khoa học tự nhiên 6	11	Khoa học tự nhiên 7	3	Tin học 8	2	Lịch sử và địa lý 9	5
Tin học 6	12	Công nghệ 7	5	Công nghệ 8	2	Tin học 9	3
Lịch sử và địa lí 6	9	Tin học 7	4	Ngữ văn 8 tập 1	5	Công nghệ 9: điện	3
công nghệ 6	12	GDTC 7	4	Ngữ văn 8 tập 2	5	Ngữ văn 9 tập 1	5
Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 6	10	Lịch sử và địa lí 7	1	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	5	Ngữ văn 9 tập 2	5
Giáo dục công dân 6	12	Âm nhạc 7	3	Giáo dục thể chất 8	5	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9	5
Âm nhạc 6	10	Mỹ thuật 7	3	Mĩ Thuật 8	2	Giáo dục thể chất 9	4

Giáo dục thể chất 6	11	Giáo dục công dân 7	3	Âm nhạc 8	2	Mĩ Thuật 9	3
Tiếng anh 6 tập 1	4	Hoạt động trải nghiệm - HN 7	6	BT văn 8 tập 1	4	GDCD 9	3
Tiếng anh 6 tập 2	4	Tiếng anh 7	4	BT văn 8 tập 2	4	Âm nhạc 9	3
Mỹ Thuật 6	9	BT Toán 7 tập 1	4	BT toán 8 tập 1	4	BT văn 9 tập 1	5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Tĩnh L6	2	BT Toán 7 tập 2	5	BT toán 8 tập 2	4	BT văn 9 tập 2	5
BT Toán 6 tập 1	3	BT văn 7 Tập 1	5	BT Lịch sử- địa lý 8	4	BT toán 9 tập 1	5
BT Toán 6 tập 2	2	BT văn 7 Tập 2	6	BT Công nghệ 8	2	BT toán 9 tập 2	5
BT văn 6 tập 1	2	BT Khoa học tự nhiên 7	4	BT GDCD 8	2	BT Lịch sử- địa lý 9	5
BT văn 6 tập 2	3	BT Tiếng Anh 7	4	BT Tiếng Anh 8	5	BT khoa học tự nhiên 9	5
BT khoa học tự nhiên 6	2	BT Lịch sử- địa lý 7	3	BT Tin học 8	2	BT GDCD 9	3
BT lịch sử và	2	BT tình huống	20	Thực hành	1	BT Tiếng	5

địa lý 6		GDCD 7		HĐTN hướng nghiệp 8		Anh 9	
BT công nghệ 6	2			Vở thực hành mỹ thuật 8	1	BT Tin học 9	3
BT GDCD 6	2					Vở thực hành mỹ thuật 9	5
BT Tin học 6	2						
BT Tiếng Anh 6 T1	4						
BT Tiếng Anh 6 T2	3						

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục: 1461 đầu sách; Số lượng: 2976 cuốn

- Cả 4 khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình GD Phổ thông 2018 với bộ sách Chân trời sáng tạo (Trừ môn Tiếng Anh).

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

+ Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2				x	
Tiêu chí 1.3				x	
Tiêu chí 1.4			x		
Tiêu chí 1.5				x	
Tiêu chí 1.6			x		
Tiêu chí 1.7				x	
Tiêu chí 1.8				x	
Tiêu chí 1.9				x	
Tiêu chí 1.10				x	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1				x	
Tiêu chí 2.2			x		
Tiêu chí 2.3				x	
Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1				x	
Tiêu chí 3.2			x		
Tiêu chí 3.3			x		
Tiêu chí 3.4			x		

Tiêu chí 3.5			x		
Tiêu chí 3.6			x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1				x	
Tiêu chí 4.2				x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2				x	
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

+ Đánh giá tiêu chí Mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		

Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6	x		

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt mức 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 năm 2022; đạt chuẩn quốc gia các năm 2013, 2022; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông

tin liên quan:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 180 học sinh (05 lớp 6)

Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định*);
- 01 ảnh 3x4 (*01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ*);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học.

2. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.
- Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 323/KH-THCS ngày 21/9/2024

của trường THCS Phú Cường, đăng tải trên webiste:

thcsphucuong.tamnung.edu.vn

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt TẬP THỂ cho học sinh ở cơ sở giáo dục: (*Có kế hoạch riêng kèm theo*)

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Tuần 1 đầu tháng	Hiệu trưởng - Tổng phụ trách - GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo	Tháng 11	BCH Công đoàn

	Việt Nam		
3	Chuyên đề Đội	Tháng 11	Lê Thanh Hiền
4	Hội khỏe Phù đổng	Tháng 11.12	Nguyễn Tuấn Hải
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
6	SKSSVTN	Tháng 12, 3	Trung tâm Y tế huyện
7	Chuyên đề ma túy học đường, phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	Lê Thanh Hiền; công an xã

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		453	414	91.39	36	7.95	1	0.22	0	0
1	Khối 6	174	164	94.25	10	5.75	0	0	0	0
2	Khối 7	144	130	90.28	12	8.33	1	0.69	0	0
3	Khối 8	135	120	88.89	14	10.4	0	0	0	0

*** Đối với khối 9:**

- Về học lực

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học Lực													
			Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		139	13	9.35	71	51.1	55	39.6	0	0	0	0	139	100	0	0

- Về hạnh kiểm

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Hạnh Kiểm													
			Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường		139	129	92.81	10	7.19	0	0	0	0	139	100	0	0		

Chất lượng mũi nhọn

+ Có 02 em đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh

+ Có 1 em được công nhận HS giỏi cấp tỉnh.

+ 6 em được công nhận HSG cấp huyện

+ 12 em được công nhận HSG cấp trường các môn văn hóa

Chất lượng các cuộc thi, hội thi:

Hội khỏe phù đổng đứng 6/10 trường của toàn Huyện

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Học sinh tốt nghiệp lớp 9: 139 em, đạt tỉ lệ 100%.

- Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025: 110/139 trường của toàn tỉnh, tỷ lệ học sinh trúng tuyển đạt 70,5%.

- Số học sinh học GDTX năm học 2024 - 2025: 14

- Số học sinh học nghề năm học 2024 - 2025: 10

- Số học sinh chưa tham gia học trong các cơ sở GD: 5
Trường THCS Phú Cường công khai hoạt động trong trường học đầu năm học 2024- 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Website: <http://thcsphucuong.tamnong.edu.vn>;
- Lưu: VT. CTT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thành Công

